

HOSE

11/06/2014

VNINDEX 570.36 3.47 0.61%

KLGD 85,221,016 CP

GTGD 1,276.24 Tỷ

GTR NDTNN 25.99 Tỷ

CP Tăng giá 167 CP

CP Giảm giá 60 CP

CP Đứng giá 77 CP



HNX

11/6/2014

HNXINDEX 75.92 0.96 1.29%

KLGD 63,372,932 CP

GTGD 495.72 Tỷ

GTR NDTNN 38.42 Tỷ

CP Tăng giá 141 CP

CP Giảm giá 50 CP

CP Đứng giá 188 CP



VN30 & HNX30 INDEX

VN30 615.52 6.93 1.14%

HNX30 152.73 3.15 2.11%

Tâm điểm

► **Cổ phiếu vừa và nhỏ tăng mạnh, cổ phiếu vốn hóa lớn chứng đã tăng**

► **Thanh khoản vẫn ở mức thấp trên HOSE, thanh khoản trên HNX được cải thiện**
 Tổng giá trị giao dịch trên cả 2 sàn đạt khoảng 1,771 tỷ đồng.

► **Tổng cục thuế: Thu và xử lý 8,490 tỷ đồng nợ thuế**

Ngành Thuế là đạt chỉ tiêu nợ thuế đến hết năm 2014 không vượt quá 5% tổng thu Hải Quan

► **World Bank duy trì dự báo tăng trưởng 5.5% của Việt Nam**

WB cho rằng, Việt Nam vẫn sẽ tiếp tục hưởng lợi nhờ nhu cầu của thế giới đang DVO/World Bank

► **OECD cảnh báo các nền kinh tế mới nổi mất đà tăng trưởng**

Theo báo cáo tháng mới nhất của Tổ chức Hợp tác và phát triển kinh tế (OECD) Vietnamplus

► **TCM: Đạt 21.5 tỷ đồng lợi nhuận trong tháng 5**

Lũy kế 5 tháng đầu năm 2014 TCM đạt 75 tỷ đồng lợi nhuận
 Đầu tư Chứng khoán

► **TNA: 5 tháng, lãi trước thuế 19.88 tỷ đồng**

Với kết quả này, TNA đã hoàn thành được 44.18% kế hoạch năm 2014
 Đầu tư Chứng khoán

Thị trường / Ngành

Vốn hóa (tỷ)

P/E

P/B

ROE

ROA

Theo thị trường

Thị trường	Vốn hóa (tỷ)	P/E	P/B	ROE	ROA
HOSE	1,006,894	13.7	3.1	20.7%	11.1%
HNX	121,513	17.1	1.6	7.3%	4.0%
Toàn bộ thị trường	1,128,407	15.9	3.0	19.6%	10.4%

Theo ngành

Ngành	Vốn hóa (tỷ)	P/E	P/B	ROE	ROA	
Nhựa, cao su & sợi	7,076	5.9	0.9	15.8%	10.7%	
Sản phẩm hóa dầu, Nông dược &	18,662	7.0	1.5	21.1%	15.3%	
Thép và sản phẩm thép	35,099	19.0	2.0	18.0%	7.7%	
Khai khoáng	11,873	51.8	5.0	1.9%	1.3%	
Vật liệu xây dựng & Nội thất	19,943	16.4	1.3	11.8%	8.4%	
Xây dựng	27,439	-	38.3	1.0	-5.0%	1.5%
Máy công nghiệp	7,595	5.9	1.2	21.2%	14.6%	
Kho bãi, hậu cần và bảo dưỡng	10,655	12.9	1.4	16.4%	12.5%	
Lốp xe	6,741	8.2	2.2	29.2%	12.8%	
Nuôi trồng nông & hải sản	15,005	9.2	1.2	14.6%	6.4%	
Thực phẩm	200,108	22.9	4.8	21.1%	16.3%	
Dược phẩm	15,178	12.1	3.1	25.4%	16.7%	
Phần mềm	15,747	9.7	2.0	22.1%	9.6%	
Sản xuất & phân phối điện	24,705	-	6.6	1.1	-4.8%	3.4%
Phân phối xăng dầu & khí đốt	208,717	17.5	5.6	33.0%	22.1%	
Bảo hiểm nhân thọ	26,743	21.7	2.1	10.0%	2.3%	
Môi giới chứng khoán	23,507	12.7	1.3	8.3%	6.3%	
Ngân hàng	240,362	10.8	1.2	11.1%	0.9%	
Bất động sản	131,952	11.2	2.4	27.9%	6.9%	
Thiết bị và Dịch vụ Dầu khí	36,037	9.4	1.9	20.5%	8.5%	

Thống kê thị trường

► HOSE: Thống kê và nhận định thị trường

► HNX: Thống kê và nhận định thị trường

► Tổng hợp chỉ số ngành toàn thị trường

Vui lòng tham khảo điều khoản sử dụng ở trang cuối

VietinBankSc © 2013

VietinBankSc

306 Ba Trieu

Hai Ba Trung

Hanoi

Vietnam

Tel: (844) 3974 7952

Fax: (844) 3974 1760

www.vietinbanksc.com.vn

Sac Q. Nguyen

sacnq@vietinbanksc.com.vn

Tổng cục thuế: Thu và xử lý 8,490 tỷ đồng nợ thuế

World Bank duy trì dự báo tăng trưởng 5.5% của Việt Nam

OECD cảnh báo các nền kinh tế mới nổi mất đà tăng trưởng

Sac Q. Nguyen

sacnq@vietinbanksc.com.vn

TCM: Đạt 21.5 tỷ đồng lợi nhuận trong tháng 5

TNA: 5 tháng, lãi trước thuế 19.88 tỷ đồng

NSC: Đầu tư 100 tỷ đồng triển khai dự án mới

► Tin kinh tế

Theo Tổng cục Thuế, tính đến hết tháng 4/2014, cơ quan Thuế đã thu và xử lý 8,490 tỷ đồng tiền nợ thuế từ 2013 chuyển sang năm 2014, đạt tỷ lệ 13%. Trong đó, thu và xử lý nợ thuế bằng biện pháp quản lý nợ là 7,730 tỷ đồng, bằng biện pháp cưỡng chế nợ thuế là 760 tỷ đồng. Tính đến 30/4/2014, tổng số nợ thuế của cơ quan Thuế các cấp là 67,084 tỷ đồng, tăng 8.56% so thời điểm 31/12/2013. Trong đó, năm 2013 đã thu và xử lý được 27,137 tỷ đồng tiền nợ thuế năm 2012 chuyển sang, đạt tỷ lệ gần 50%.

Trong báo cáo Triển vọng kinh tế toàn cầu mới nhất, World Bank (WB) cho biết dự báo tăng trưởng của phần lớn các nước nhỏ thuộc khu vực Đông Á và Thái Bình Dương không đổi. WB dự báo, kinh tế Việt Nam sẽ tăng trưởng 5.5% trong năm 2014, sau đó sẽ tăng lên 5.6% trong năm 2015 và 5.8% trong năm tiếp theo. Mức dự báo này được giữ nguyên như trong Báo cáo “Cập nhật tình hình kinh tế khu vực Đông Á và Thái Bình Dương” của WB công bố ngày 7/4/2014. WB cho rằng, Việt Nam vẫn sẽ tiếp tục hưởng lợi nhờ nhu cầu của thế giới đang phục hồi. Trong 4 tháng đầu năm 2014, kinh tế Việt Nam tăng trưởng 7.3% với dòng vốn ngoại chảy vào tăng mạnh. Tuy nhiên, căng thẳng chính trị gần đây trên biển Đông cũng gây không ít biến động cho nền kinh tế.

Theo báo cáo tháng mới nhất của Tổ chức Hợp tác và phát triển kinh tế (OECD), công bố ngày 10/6, các chỉ số kinh tế hàng đầu cho thấy động lực tăng trưởng ở hầu hết các nền kinh tế lớn mới nổi đang yếu dần, thậm chí tại Trung Quốc, Nga và Brazil, tốc độ tăng trưởng thấp hơn mức trung bình, và chỉ có Ấn Độ có vẻ đang đi ngược lại xu hướng này. Trong khi đó, các chỉ số kinh tế của Mỹ, Canada đang thể hiện động lực tăng trưởng ổn định và Khu vực đồng tiền chung châu Âu (Eurozone) đang phục hồi rõ rệt, thậm chí Anh, quốc gia nằm ngoài Eurozone, đang dần lấy tốc độ tăng trưởng mạnh.

► Tin doanh nghiệp

CTCP Dệt may đầu tư thương mại Thành Công (HOSE: TCM) cho biết, lợi nhuận sau thuế trong tháng 5 đạt 21.5 tỷ đồng, lũy kế từ đầu năm là 75 tỷ đồng. TCM hiện đã nhận đơn hàng đến hết năm 2014. Đơn hàng từ thị trường Mỹ, Nhật Bản và Hàn Quốc có sự tăng trưởng. Ông Trần Thành viên HĐQT TCM chia sẻ, nhà máy mới Vĩnh Long đang trong giai đoạn chọn nhà thầu xây dựng và sẽ đưa vào khai thác cuối năm 2014. Được biết, năm 2014, TCM đặt kế hoạch doanh thu đạt 2,823 tỷ đồng và lợi nhuận đạt 164.4, tăng lần lượt 11% và 33% so với mức thực hiện năm 2013. Cổ tức dự kiến năm 2014 là 12% bằng tiền mặt.

CTCP Thương mại xuất nhập khẩu Thiên Nam (HOSE: TNA) vừa công bố kết quả hoạt động kinh doanh 5 tháng đầu năm 2014. Theo đó, trong tháng 5, TNA đạt 117.25 tỷ đồng tổng doanh thu của và 3.83 tỷ đồng lợi nhuận trước thuế. Lũy kế 5 tháng, tổng doanh thu đạt 574.94 tỷ đồng, lợi nhuận trước thuế là 19.88 tỷ đồng, lần lượt hoàn thành 41.07% và 44.18% kế hoạch cả năm 2014 đã đề ra. Được biết, trong quý 1/2014, TNA đạt tổng doanh thu 321.62 tỷ đồng, giảm nhẹ 0.77% cùng kỳ 2013. Lợi nhuận trước thuế là 11.93 tỷ đồng, giảm khá mạnh 18.4% so với thực hiện cùng kỳ 2013.

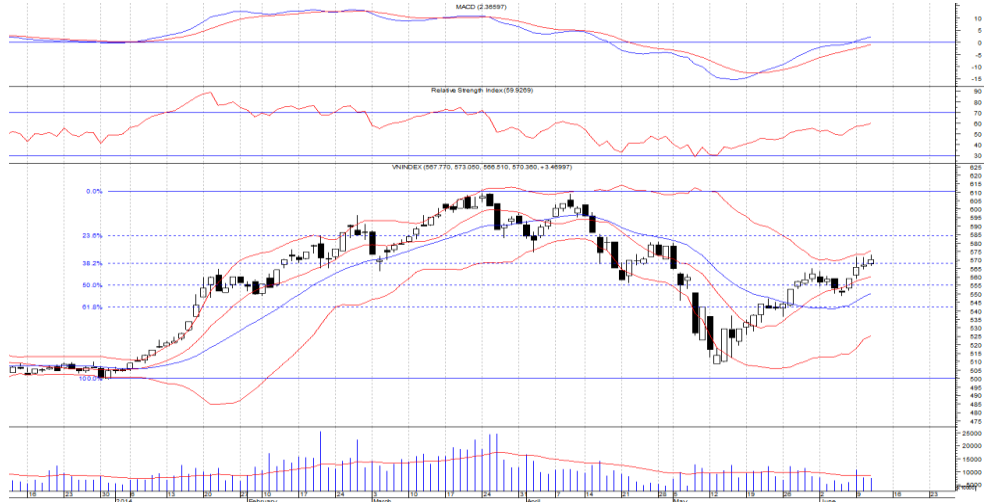
CTCP Giống cây trồng Trung ương (HOSE: NSC) vừa khởi công Dự án xây dựng nhà máy chế biến, bảo quản hạt giống cây trồng trung ương Đồng Văn. Nhà máy được xây dựng trên diện tích 3 héc-ta tại Khu công nghiệp Đồng Văn (Hà Nam), với tổng vốn đầu tư 100 tỷ đồng. Dự án được đầu tư hệ thống cơ sở vật chất đồng bộ từ nhà làm việc, phòng kiểm nghiệm chất lượng hạt giống đạt tiêu chuẩn quốc gia, đến hệ thống chế biến, bảo quản hạt giống, gạo tiêu chuẩn quốc tế với trang thiết bị được nhập khẩu từ Đức, Đan Mạch, Nhật Bản. Theo kế hoạch, dự án sẽ hoàn thành vào tháng 3/2015.

HOSE 11/06/2014 VNINDEX 570.36 3.47 0.61% 85,221,016 CP 1,276.24 bil VND

Cổ phiếu vừa và nhỏ tăng mạnh, nhóm CP vốn hóa lớn chứng đã tăng.

VN-Index tăng 3.47 điểm lên 570.36 điểm. Một cây nến trắng tiếp tục tăng tiến lên dải trên của đường Bollinger band. Dòng tiền có sự chuyển hướng sang kéo cổ phiếu vừa và nhỏ.

- MACD đang trong vùng chỉ báo mua và đang nằm trên đường Zero line, cho thấy xu thế tăng điểm vẫn tiếp diễn.
- RSI (14) đạt 60 điểm cho thấy xu thế hiện tại vẫn đang được củng cố và thị trường vẫn chưa đi vào vùng quá mua.
- Thị trường đang hướng lên ngưỡng kháng cự vùng 580 điểm.



HOSE Top 5 theo KLGD

FLC	0.4 (3.8%)	6,890,930
ITA	0.1 (1.3%)	4,271,800
HQC	0.2 (2.9%)	3,987,840
SSI	0.7 (2.9%)	3,481,390
STB	0.6 (3.0%)	3,338,290

HOSE Top 5 theo % tăng

HT1	0.9 (7.0%)	1,363,740
ATA	0.4 (6.9%)	347,010
HAR	0.6 (6.9%)	3,167,500
PTL	0.2 (6.9%)	1,915,350
TSC	1.7 (6.8%)	306,590

HOSE Top 5 theo % giảm

HHS	-2.2 (-6.8%)	40,330
HTL	-1.3 (-6.5%)	1,000
ASIAGF	-0.7 (-6.5%)	510
NVN	-0.2 (-6.3%)	8,410
VCF	-10 (-6.2%)	1,760

HOSE Top 5 Mua ròng NDTNN

SAV	21,0 tỷ	1,496,466
DPM	5,6 tỷ	173,100
CSM	5,0 tỷ	122,300
HT1	4,5 tỷ	331,870
MSN	3,5 tỷ	35,970

HOSE Top 5 Bán ròng NDTNN

PVD	-23,0 tỷ	275,560
HAG	-12,4 tỷ	506,040
EIB	-4,3 tỷ	315,000
NBB	-2,5 tỷ	108,000
GAS	-2,4 tỷ	21,980

GD NDTNN	KL Ròng	GT Ròng (tỷ)
HOSE	3,508,406	25.99

Nhận định / Bình luận thị trường

- ▶ VN-Index linh xịch đầu phiên và tăng dần về cuối phiên, lực tăng không có sự đồng thuận của nhóm cổ phiếu vốn hóa lớn nên mức tăng không lớn.
- ▶ Thanh khoản giảm nhẹ so với phiên trước và đạt 75 triệu cổ phiếu, đây là mức thấp so với thanh khoản bình quân gần đây trên HOSE.
- ▶ Khối ngoại mua ròng 26 tỷ đồng, GAS, DPM, HT1 được mua mạnh trong khi GAS và PVD bị bán mạnh.
- ▶ Các chỉ báo kỹ thuật vẫn đang tích cực, tuy vậy VNINDEX đang hướng lên gần vùng kháng cự 580 điểm nên cần thận trọng trong quyết định mua mới.
- ▶ NĐT cần thận trọng trong quyết định mua đuổi giá cao khi thị trường đang tiền gần lên vùng kháng cự.

HOSE - Top 10 theo vốn hóa

Mã CK	SLCPLH (triệu)	Giá (000')	Vốn hóa (tỷ)	P/E (lần)	P/B (lần)	ROE	ROA
GAS	1,895.0	107.0	202,765.00	18.0	5.7	33.4%	22.6%
VNM	833.4	122.0	101,679.35	15.9	5.4	36.4%	29.1%
MSN	734.9	98.0	72,021.31	218.3	4.9	2.2%	0.7%
VCB	2,317.4	29.1	67,436.84	15.1	1.5	10.4%	1.0%
VIC	894.2	65.5	58,572.75	7.9	3.8	47.0%	11.1%
CTG	3,723.4	14.6	54,361.71	8.5	1.0	11.4%	1.1%
BID	2,811.2	14.7	41,324.68	9.0	1.2	14.2%	0.8%
BVH	680.5	39.6	26,946.67	21.7	2.1	10.0%	2.3%
HPG	481.9	50.0	24,095.41	10.2	2.3	25.0%	10.7%
STB	1,142.5	20.8	23,764.24	10.5	1.4	13.5%	1.3%

HOSE - Cổ phiếu khuyến nghị theo dõi / mua / bán / nắm giữ

Mã CK	SLCPLH (triệu)	Giá (000')	Vốn hóa (tỷ)	P/E (lần)	P/B (lần)	Giá mục tiêu	Khuyến nghị
PVT	232.6	13.4	3,116.84	12.8	1.1	NA	TH.DOI
FPT	343.9	46.5	15,991.08	9.6	2.0	NA	TH.DOI
CII	112.9	18.3	2,065.37	14.1	1.3	NA	TH.DOI
BMP	45.5	67.5	3,069.80	8.3	2.0	NA	TH.DOI
NHS	60.8	11.7	710.78	5.2	0.8	NA	TH.DOI
FDC	27.6	18.6	513.55	1.8	0.8	NA	TH.DOI

HNX 11/06/2014 HNX-Index 75.92 0.96 1.29% 63,372,932 CP 495.72 bil. VND

HNX-Index tăng điểm từ vùng hỗ trợ MA20, NĐTNN tiếp tục mua ròng mạnh.

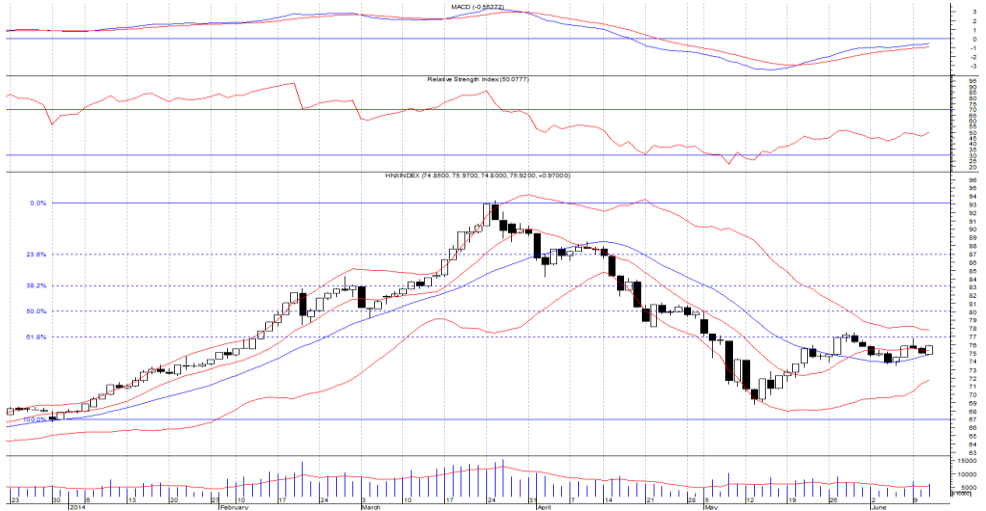
Chỉ số HNX-Index tăng 0.96 điểm lên 75.92 điểm, cầu vào khá tích cực kéo nhiều cổ phiếu chủ chốt tăng điểm.

- HNX-Index vẫn đang nhận MA20 (vùng 74-75 điểm) là đường hỗ trợ mạnh, nếu chỉ số tiếp tục giữ trên đường này và thanh khoản tăng là dấu hiệu tích cực.

- MACD đang trong vùng chỉ báo mua và tiếp tục hướng lên đường Zero line, cho thấy xu thế tăng điểm vẫn tiếp diễn.

- RSI (14) tăng lên 50 điểm cho thấy động lực tăng đang mạnh lên củng cố xu hướng tăng hiện tại.

- Ngắn hạn thị trường sẽ tiếp tục tăng.



HNX Top 5 theo KLGD

PVX	-0.2 (-4.5%)	25,657,620
SHB	0.4 (4.5%)	4,323,230
SCR	0.2 (2.4%)	4,270,550
KLF	0.2 (1.8%)	3,944,310
KLS	0.5 (4.4%)	3,755,400

HNX Top 5 theo % tăng

SGH	48.5 (100.0%)	-
KST	0.8 (11.3%)	-
TXM	0.7 (10.0%)	6,000
MCO	0.4 (9.8%)	7,200
SDC	1.1 (9.7%)	1,000

HNX Top 5 theo % giảm

DNC	-1.1 (-10.0%)	100
DZM	-0.6 (-10.0%)	700
PMS	-0.7 (-9.9%)	1,400
CTN	-0.6 (-9.7%)	900
BBS	-1.5 (-9.6%)	400

HNX Top 5 Mua ròng NĐTNN

PVS	8,6 tỷ	320,900
VND	6,8 tỷ	454,000
VCG	5,5 tỷ	422,200
KLS	4,7 tỷ	397,200
LAS	4,5 tỷ	111,000

HNX Top 5 Bán ròng NĐTNN

EBS	-0,5 tỷ	71,000
SCR	-0,4 tỷ	50,000
HOM	-0,2 tỷ	28,300
PGS	-0,1 tỷ	1,900
VTV	0,0 tỷ	3,100

GD NĐTNN	KL Ròng	GT Ròng (tỷ)
HNX	2,411,345	38.42

Nhận định / Bình luận thị trường

- ▶ HNX-Index chủ yếu giảm điểm trong cả phiên giao dịch, nhiều cổ phiếu giảm điểm, lực cầu vào khá yếu và thanh khoản giảm ở mức thấp.
- ▶ Thanh khoản tăng mạnh với sự gia tăng đột biến từ hơn 25 triệu cổ phiếu PVX. Để hỗ trợ thị trường, thanh khoản cần tiếp tục gia tăng trong phiên tới.
- ▶ Khối ngoại tiếp tục mua ròng mạnh với 38.4 tỷ đồng, trong gần 2 tháng trở lại đây, khối ngoại mua ròng hơn 825 tỷ đồng trên HNX.
- ▶ Các tín hiệu kỹ thuật vẫn cho thấy xu hướng ngắn và trung hạn là tăng điểm, ngưỡng cản 77 điểm có thể được chinh phục nếu thanh khoản tăng.
- ▶ NĐT ngắn hạn có thể xem xét mua vào đối với cổ phiếu trên HNX nếu chỉ số duy trì trên MA20 và thanh khoản tiếp tục được cải thiện.

HNX - Top 10 theo vốn hóa

Mã CK	SLCPLH (triệu)	Giá (000')	Vốn hóa (tỷ)	P/E (lần)	P/B (lần)	ROE	ROA
ACB	909.8	15.7	14,283.55	18.5	1.1	6.1%	0.5%
PVS	446.7	26.8	11,971.57	7.7	1.4	19.3%	6.2%
SQC	110.0	78.2	8,602.00	265.3	6.5	-2.4%	-2.0%
SHB	886.1	9.2	8,151.97	9.7	0.7	7.9%	0.7%
VCG	441.7	13.1	5,786.41	12.3	1.0	8.3%	1.8%
OCH	200.0	25.3	5,060.00	35.9	2.4	6.3%	3.1%
PVI	225.4	18.4	4,147.62	14.9	0.7	4.6%	2.1%
LAS	77.8	41.0	3,191.11	7.0	2.2	33.5%	17.5%
NTP	56.3	53.0	2,985.99	10.2	2.3	23.8%	16.0%
VNR	100.8	26.0	2,621.52	7.4	1.1	14.5%	7.0%

HNX - Cổ phiếu khuyến nghị theo dõi / mua / bán / nắm giữ

Mã CK	SLCPLH (triệu)	Giá (000')	Vốn hóa (tỷ)	P/E (lần)	P/B (lần)	Giá mục tiêu	Khuyến nghị
PGS	38.0	27.9	1,060.20	6.8	1.2	NA	TH.DOI
AAA	19.8	18.8	372.24	7.0	0.7	NA	TH.DOI
VND	96.9	15.1	1,463.74	10.1	1.1	NA	TH.DOI
NTP	56.3	53.0	2,985.99	10.2	2.3	NA	TH.DOI
PVC	50.0	15.3	765.00	9.1	0.9	NA	TH.DOI
DXP	7.9	37.5	295.31	6.1	1.4	NA	TH.DOI

FTSE Vietnam (UCITS ETF)

Ma CK	SGD	SLCPLH (triệu)	Vốn hóa (tỷ)	Tỷ trọng	Giá (000')	PE (lần)	PB (lần)	KLGDQB (10 ngày)	KLGDQB (1 tháng)	KLGDQB (3 tháng)
MSN	HOSE	734.9	72,021.31	15.35%	98.0	218.32	4.89	184,135	152,954	335,051
VIC	HOSE	894.2	58,572.75	14.46%	65.5	7.88	3.77	177,781	236,198	521,285
HPG	HOSE	481.9	24,095.41	11.74%	50.0	10.18	2.34	319,539	455,488	791,574
PVD	HOSE	275.3	22,984.05	8.68%	83.5	10.66	2.21	233,621	236,264	448,258
DPM	HOSE	379.9	12,271.88	8.01%	32.3	6.42	1.39	970,946	1,085,773	1,452,629
HAG	HOSE	718.2	17,594.79	7.98%	24.5	14.31	1.31	2,273,376	2,763,722	3,632,539
VCB	HOSE	2,317.4	67,436.84	6.11%	29.1	15.05	1.51	342,898	479,627	760,500
STB	HOSE	1,142.5	23,764.24	4.13%	20.8	10.54	1.39	2,048,209	1,548,320	1,136,528
BVH	HOSE	680.5	26,946.67	3.08%	39.6	21.70	2.13	245,061	387,955	483,042
ITA	HOSE	718.0	5,744.05	2.71%	8.0	99.91	0.73	3,786,754	5,208,077	8,383,065
HSG	HOSE	96.3	4,141.46	2.68%	43.0	10.44	1.85	74,275	143,540	199,235
GMD	HOSE	114.4	3,787.36	2.26%	33.1	122.80	0.84	364,995	343,276	376,243
PPC	HOSE	318.2	6,585.80	2.03%	20.7	7.18	1.16	280,198	401,958	774,139
VSH	HOSE	206.2	3,402.98	1.74%	16.5	15.45	1.24	281,747	377,346	735,749
CSM	HOSE	67.3	2,732.06	1.64%	40.6	7.37	2.11	273,371	275,388	521,888
KBC	HOSE	389.8	4,209.41	1.48%	10.8	23.83	0.82	706,419	718,913	1,091,969
DRC	HOSE	83.1	3,580.48	1.33%	43.1	9.35	2.44	126,767	137,461	306,502
PVT	HOSE	232.6	3,116.84	1.18%	13.4	12.80	1.08	445,696	600,759	1,280,154
DIG	HOSE	143.0	2,402.33	1.01%	16.8	44.04	0.99	256,012	255,684	556,743
OGC	HOSE	300.0	3,270.00	0.91%	10.9	45.91	0.97	1,083,667	1,398,822	2,929,312
PET	HOSE	69.8	1,068.58	0.87%	15.3	6.90	0.82	361,737	389,987	631,276

Công ty quản lý
Chỉ số tham chiếu

DB Platinum Advisors
FTST Vietnam Index

Ngày lập quỹ **15/01/2008**
Ngày lập chỉ số **14/05/2007**

SLCKVN **22/22**
TGTTSQL **361 mil.**

Market Vectors Vietnam ETF

Ma CK	SGD	SLCPLH (triệu)	Vốn hóa (tỷ)	Tỷ trọng	Giá (000')	PE (lần)	PB (lần)	KLGDQB (10 ngày)	KLGDQB (1 tháng)	KLGDQB (3 tháng)
PVS	HNX	446.7	11,971.57	5.37%	26.8	7.73	1.38	1,471,301	1,438,160	2,711,253
VIC	HOSE	894.2	58,572.75	8.00%	65.5	7.88	3.77	177,781	236,198	521,285
VCB	HOSE	2,317.4	67,436.84	7.00%	29.1	15.05	1.51	342,898	479,627	760,500
BVH	HOSE	680.5	26,946.67	6.50%	39.6	21.70	2.13	245,061	387,955	483,042
DPM	HOSE	379.9	12,271.88	5.79%	32.3	6.42	1.39	970,946	1,085,773	1,452,629
STB	HOSE	1,142.5	23,764.24	4.26%	20.8	10.54	1.39	2,048,209	1,548,320	1,136,528
PVD	HOSE	275.3	22,984.05	3.22%	83.5	10.66	2.21	233,621	236,264	448,258
ITA	HOSE	718.0	5,744.05	3.73%	8.0	99.91	0.73	3,786,754	5,208,077	8,383,065
SHB	HNX	886.1	8,151.97	2.86%	9.2	9.65	0.74	4,062,058	5,516,420	8,701,370
PPC	HOSE	318.2	6,585.80	1.58%	20.7	7.18	1.16	280,198	401,958	774,139
OGC	HOSE	300.0	3,270.00	2.33%	10.9	45.91	0.97	1,083,667	1,398,822	2,929,312
GMD	HOSE	114.4	3,787.36	1.62%	33.1	122.80	0.84	364,995	343,276	376,243
MSN	HOSE	734.9	72,021.31	8.00%	98.0	218.32	4.89	184,135	152,954	335,051
HAG	HOSE	718.2	17,594.79	2.83%	24.5	14.31	1.31	2,273,376	2,763,722	3,632,539
DRC	HOSE	83.1	3,580.48	1.28%	43.1	9.35	2.44	126,767	137,461	306,502
VCG	HNX	441.7	5,786.41	3.58%	13.1	12.28	0.99	1,758,810	2,157,614	2,683,720
PVT	HOSE	232.6	3,116.84	2.05%	13.4	12.80	1.08	445,696	600,759	1,280,154

Công ty quản lý
Chỉ số tham chiếu

Van Eck Global
Market Vector Vietnam Index

Ngày lập quỹ **08/11/2009**
Ngày lập chỉ số **24/11/2008**

SLCKVN **17/27**
TGTTSQL **439.5 mil.**

MSCI Frontier Market Index ETF

Ma CK	SGD	SLCPLH (triệu)	Vốn hóa (tỷ)	Tỷ trọng	Giá (000')	PE (lần)	PB (lần)	KLGDQB (10 ngày)	KLGDQB (1 tháng)	KLGDQB (3 tháng)
VIC	HOSE	894.2	58,572.75	0.00%	65.5	7.88	3.77	177,781	236,198	521,285
MSN	HOSE	734.9	72,021.31	0.00%	98.0	218.32	4.89	184,135	152,954	335,051
DPM	HOSE	379.9	12,271.88	0.00%	32.3	6.42	1.39	970,946	1,085,773	1,452,629
HAG	HOSE	718.2	17,594.79	0.00%	24.5	14.31	1.31	2,273,376	2,763,722	3,632,539
VCB	HOSE	2,317.4	67,436.84	0.00%	29.1	15.05	1.51	342,898	479,627	760,500
STB	HOSE	1,142.5	23,764.24	0.00%	20.8	10.54	1.39	2,048,209	1,548,320	1,136,528
BVH	HOSE	680.5	26,946.67	0.00%	39.6	21.70	2.13	245,061	387,955	483,042
CTG	HOSE	3,723.4	54,361.71	0.00%	14.6	8.52	0.98	227,182	345,604	721,419
GAS	HOSE	1,895.0	202,765.00	0.00%	107.0	18.03	5.71	444,948	447,267	436,804

Công ty quản lý
Chỉ số tham chiếu

Royal Bank of Scotland
MSCI Frontier Markets Index

Ngày lập quỹ
Ngày lập chỉ số

19/09/2011
30/11/2007

SLCKVN
TGTTSQL

9/142
22.25 mil.

iShares MSCI Frontier 100 Index Fund

Ma CK	SGD	SLCPLH (triệu)	Vốn hóa (tỷ)	Tỷ trọng	Giá (000')	PE (lần)	PB (lần)	KLGDQB (10 ngày)	KLGDQB (1 tháng)	KLGDQB (3 tháng)
MSN	HOSE	734.9	72,021.31	0.81%	98.0	218.32	4.89	184,135	152,954	335,051
VIC	HOSE	894.2	58,572.75	0.55%	65.5	7.88	3.77	177,781	236,198	521,285
DPM	HOSE	379.9	12,271.88	0.26%	32.3	6.42	1.39	970,946	1,085,773	1,452,629
VCB	HOSE	2,317.4	67,436.84	0.20%	29.1	15.05	1.51	342,898	479,627	760,500
STB	HOSE	1,142.5	23,764.24	0.14%	20.8	10.54	1.39	2,048,209	1,548,320	1,136,528
BVH	HOSE	680.5	26,946.67	0.10%	39.6	21.70	2.13	245,061	387,955	483,042

Công ty quản lý
Chỉ số tham chiếu

iShares
MSCI Frontier 100 Index

Ngày lập quỹ
Ngày lập chỉ số

12/09/2012
30/11/2007

SLCKVN
TGTTSQL

6/102
519.45 mil.

iShares MSCI Vietnam Investable Market Index Fund ETF

Ma CK	SGD	SLCPLH (triệu)	Vốn hóa (tỷ)	Tỷ trọng	Giá (000')	PE (lần)	PB (lần)	KLGDQB (10 ngày)	KLGDQB (1 tháng)	KLGDQB (3 tháng)
-------	-----	-------------------	-----------------	----------	---------------	-------------	-------------	---------------------	---------------------	---------------------

Công ty quản lý
Chỉ số tham chiếu

iShares
MSCI VN Investable Market Indx

Ngày lập quỹ
Ngày lập chỉ số

01/12/2010

SLCKVN
TGTTSQL

4,752.96 mil.

Chỉ số bình quân ngành	Vốn hóa (tỷ)	P/E	P/B	ROE	ROA
Hóa chất & Tài nguyên cơ bản					
Hóa Chất					
Nhựa, cao su & sợi	7,076	5.9	0.9	15.8%	10.7%
Sản phẩm hóa dầu, Nông dược & Hóa chất khác	18,662	7.0	1.5	21.1%	15.3%
Lâm nghiệp và giấy					
Lâm sản và Chế biến gỗ	1,681	20.4	0.7	3.1%	2.0%
Sản xuất giấy	735	7.5	0.8	11.3%	5.8%
Kim loại					
Thép và sản phẩm thép	35,099	19.0	2.0	18.0%	7.7%
Khai khoáng					
Khai thác than	1,597	4.0	0.7	18.2%	3.8%
Khai khoáng	11,873	51.8	5.0	1.9%	1.3%
Xây dựng và vật liệu					
Xây dựng và vật liệu					
Vật liệu xây dựng & Nội thất	19,943	16.4	1.3	11.8%	8.4%
Xây dựng	27,439	-38.3	1.0	-5.0%	1.5%
Hàng và dịch vụ công nghiệp					
Hàng công nghiệp					
Containers & Đóng gói	1,977	6.8	1.0	17.2%	9.1%
Công nghiệp phức hợp	674	3.3	0.8	22.2%	16.3%
Điện tử và thiết bị điện					
Hàng điện & điện tử	1,670	9.5	0.9	7.8%	3.9%
Thiết bị điện	1,595	-15.4	0.7	-1.1%	-1.5%
Công nghiệp nặng					
Xe tải & Đóng tàu	41	25.6	0.6	2.2%	1.5%
Máy công nghiệp	7,595	5.9	1.2	21.2%	14.6%
Vận tải					
Vận tải thủy	8,030	-1.5	0.8	2.2%	-0.4%
Kho bãi, hậu cần và bảo dưỡng	10,655	12.9	1.4	16.4%	12.5%
Dịch vụ vận tải	5,782	8.5	1.4	18.0%	11.1%
Tư vấn & hỗ trợ kinh doanh					
Tư vấn & Hỗ trợ KD	3,002	10.3	1.3	12.8%	4.5%
Đào tạo & Việc làm	196	9.3	0.6	8.1%	2.6%
Nhà cung cấp thiết bị	175	8.1	0.8	10.6%	4.7%
Chất thải & Môi trường	156	2.4	0.7	35.2%	17.0%
Ô tô và Phụ tùng					
Ô tô và Phụ tùng					
Sản xuất ô tô	2,075	11.7	1.7	13.9%	8.2%
Lốp xe	6,741	8.2	2.2	29.2%	12.8%
Thực phẩm và đồ uống					
Bia và đồ uống					
Sản xuất bia	1,706	6.6	1.1	15.8%	8.5%
Vang & Rượu mạnh	300	11.1	1.8	19.0%	11.7%
Đồ uống & giải khát	267	7.6	1.4	14.2%	9.7%
Sản phẩm thực phẩm					
Nuôi trồng nông & hải sản	15,005	9.2	1.2	14.6%	6.4%
Thực phẩm	200,108	22.9	4.8	21.1%	16.3%
Hàng cá nhân và gia dụng					
Hàng gia dụng					
Đồ gia dụng lâu bền	48	38.2	0.6	1.6%	1.2%
Thiết bị gia dụng	2,062	7.9	0.9	12.7%	6.3%
Hàng hóa giải trí					
Điện tử tiêu dùng	141	8.5	1.3	13.5%	9.4%
Hàng cá nhân					
Hàng may mặc	2,883	8.0	1.4	17.8%	7.1%
Giày dép	8	-1.1	0.5	-33.3%	-19.0%
Hàng cá nhân	4,833	8.8	1.7	16.7%	9.0%
Thuốc lá					
Thuốc lá	693	-8.3	1.0	1.0%	4.5%

Chỉ số bình quân ngành	Vốn hóa (tỷ)	P/E	P/B	ROE	ROA
Y tế					
Thiết bị và dịch vụ y tế					
Thiết bị y tế	795	14.3	0.8	4.9%	2.9%
Dụng cụ y tế	135	3.3	1.7	31.8%	13.0%
Dược phẩm					
Công nghệ sinh học	168	8.0	1.0	13.2%	9.3%
Dược phẩm	15,178	12.1	3.1	25.4%	16.7%
Bán lẻ					
Phân phối thực phẩm và dược					
Phân phối thực phẩm	378	49.5	1.2	2.4%	0.7%
Bán lẻ					
Bán lẻ phức hợp	757	13.5	1.2	13.0%	8.6%
Phân phối hàng chuyên dụng	1,979	8.0	1.2	14.6%	3.2%
Truyền thông, Du lịch và Giải trí					
Truyền thông					
Dịch vụ truyền thông	10	2.7	0.5	18.3%	11.3%
Sách, ấn bản & sản phẩm văn hóa	1,010	8.1	0.9	12.1%	8.0%
Du lịch và giải trí					
Hàng không	168	7.4	3.2	52.7%	27.1%
Khách sạn	5,799	36.3	2.6	6.0%	3.2%
Dịch vụ giải trí	2,097	26.4	1.3	15.0%	12.7%
Vận tải hành khách & Du lịch	1,151	21.5	1.9	15.4%	13.7%
Viễn Thông & Công nghệ thông tin					
Viễn thông cố định					
Viễn thông cố định	51	11.9	0.4	3.1%	1.6%
Phần mềm và dịch vụ máy tính					
Dịch vụ máy tính	502	19.9	0.6	3.2%	1.2%
Internet	266	56.1	0.7	1.1%	0.2%
Phần mềm	15,747	9.7	2.0	22.1%	9.6%
Thiết bị và phần cứng					
Phần cứng	413	14.9	0.7	4.1%	1.6%
Thiết bị văn phòng	273	5.3	1.0	20.0%	14.9%
Thiết bị viễn thông	1,949	13.2	0.7	5.1%	3.7%
Điện nước, xăng dầu và khí đốt					
Sản xuất & phân phối điện					
Sản xuất & phân phối điện	24,705	-	6.6	1.1	-4.8%
Nước & khí đốt					
Phân phối xăng dầu & khí đốt	208,717	17.5	5.6	33.0%	22.1%
Nước	1,168	6.3	1.0	16.8%	11.1%
Bảo hiểm, Dịch vụ tài chính, Ngân hàng, Bất động sản					
Bảo hiểm phi nhân thọ					
Bảo hiểm phức hợp	1,134	5.0	0.7	15.1%	5.0%
Bảo hiểm phi nhân thọ	6,206	11.7	0.7	5.8%	2.7%
Tái bảo hiểm	2,622	7.4	1.1	14.5%	7.0%
Bảo hiểm nhân thọ					
Bảo hiểm nhân thọ	26,743	21.7	2.1	10.0%	2.3%
Dịch vụ tài chính					
Tài chính đặc biệt	3,120	45.9	1.0	2.1%	0.6%
Môi giới chứng khoán	23,507	12.7	1.3	8.3%	6.3%
Ngân hàng					
Ngân hàng	240,362	10.8	1.2	11.1%	0.9%
Bất động sản					
Bất động sản	131,952	11.2	2.4	27.9%	6.9%
Tur Vốn, Định giá, Môi giới Bất động sản	6	10.7	0.6	5.5%	2.5%
Dầu khí					
Thiết bị, dịch vụ và phân phối					
Thiết bị và Dịch vụ Dầu khí	36,037	9.4	1.9	20.5%	8.5%

- | | | | |
|---------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------|
| ▶ Nguyễn Hữu Quang | Giám đốc Tư vấn Đầu tư
quangnh@vietinbanksc.com.vn | | |
| ▶ Nguyễn Quang Sắc | sacnq@vietinbanksc.com.vn
- Tổng hợp thông tin vĩ mô
- Phân tích kỹ thuật
- Nhận định, bình luận thị trường | ▶ Nguyễn Thu Hằng | hangntt@vietinbanksc.com.vn
- Ngân hàng
- Thép và sản phẩm thép
- Dược phẩm |
| ▶ Nguyễn Hoài Nam | namnh@vietinbanksc.com.vn
- Sản phẩm hóa dầu
- Phân phối xăng dầu, khí đốt
- Thiết bị và dịch vụ dầu khí | ▶ Vũ Ánh Nguyệt | nguyetva@vietinbanksc.com.vn
- Nhựa, cao su, sợi
- Thực phẩm
- Nuôi trồng nông và hải sản |

Bản báo cáo này được chuẩn bị cho mục đích duy nhất là cung cấp thông tin và không nhằm đưa ra bất kỳ đề nghị hay hướng dẫn mua bán chứng khoán cụ thể nào. Các quan điểm và khuyến cáo được trình bày trong bản báo cáo này không tính đến sự khác biệt về mục tiêu, nhu cầu, chiến lược và hoàn cảnh cụ thể của từng nhà đầu tư. Ngoài ra, nhà đầu tư cũng ý thức có thể có các xung đột lợi ích ảnh hưởng đến tính khách quan của bản báo cáo này. Nhà đầu tư nên xem báo cáo này như một nguồn tham khảo khi đưa ra quyết định đầu tư và phải chịu toàn bộ trách nhiệm đối với quyết định đầu tư của chính mình. VietinBankSc tuyệt đối không chịu trách nhiệm đối với toàn bộ hay bất kỳ thiệt hại nào, hay sự kiện bị coi là thiệt hại, đối với việc sử dụng toàn bộ hoặc từng phần thông tin hay ý kiến nào của bản báo cáo này.

Toàn bộ các quan điểm thể hiện trong báo cáo này đều là quan điểm cá nhân của người phân tích. Không có bất kỳ một phần thu nhập nào của người phân tích liên quan trực tiếp hoặc gián tiếp đến các khuyến cáo hay quan điểm cụ thể trong bản báo cáo này.

Thông tin sử dụng trong báo cáo này được VietinBankSc thu thập từ những nguồn mà chúng tôi cho là đáng tin cậy. Tuy nhiên, chúng tôi không đảm bảo rằng những thông tin này là hoàn chỉnh hoặc chính xác. Các quan điểm và ước tính trong đánh giá của chúng tôi có giá trị đến ngày ra báo cáo và có thể thay đổi mà không cần báo cáo trước.

Bản báo cáo này được giữ bản quyền và là tài sản của VietinBankSc. Mọi sự sao chép, chuyển giao hoặc sửa đổi trong bất kỳ trường hợp nào mà không có sự đồng ý của VietinBankSc đều trái luật.

Bản quyền thuộc VietinBankSc, 2013. Vui lòng trích nguồn khi sử dụng các thông tin trong bản báo cáo này.